

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2021

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Xanh

Ông Vũ Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lưu Quang D; Sinh năm 1993; Nơi cư trú: phường Q, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* chị Trần Thị N; Sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT: phường Q, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc; Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lưu Quang D trình bày:

Anh và chị Trần Thị N làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2016 tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì hai vợ chồng cùng nhau sang Hàn Quốc làm việc. Trong thời gian ở Hàn Quốc, do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung nên hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau, từ tháng 7/2021 anh D về Việt Nam và hai người không ở cùng nhau nữa. Sau khi về Việt Nam, hai vợ chồng ít liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy anh D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị N.

Về con chung: anh D và chị Trần Thị N có 02 con chung là Lưu Nhật C, sinh ngày 06/11/2016 và Lưu Nhật K, sinh ngày 03/9/2020. Hiện nay hai con chung đang ở cùng anh D, vì vậy anh đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Đơn xin ly hôn không hòa giải tại tòa án, Đơn xin giải quyết vắng mặt, Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Giấy ủy quyền giải quyết việc ly hôn của chị Trần Thị N (đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc chứng thực) thể hiện:

Chị và anh Lưu Quang D kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 29/6/2016 tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung. Cả hai vợ chồng đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và đề nghị Tòa án không hòa giải để nhanh chóng giải quyết việc ly hôn của hai vợ chồng. Do hiện nay chị N đang làm việc tại Hàn Quốc và do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên việc đi về Việt Nam gặp nhiều khó khăn, vì vậy, chị N đã ủy quyền cho anh D nhận các tài liệu giấy tờ của Tòa án và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết vắng mặt chị.

Về con chung: chị Trần Thị N và anh D có 02 con chung là Lưu Nhật C, sinh ngày 06/11/2016 và Lưu Nhật K, sinh ngày 03/9/2020. Chị thống nhất thỏa thuận 02 con chung ở với anh D và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: anh Lưu Quang D, chị Trần Thị N đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh thì anh Lưu Quang D, chị Trần Thị N đăng ký kết hôn ngày 29/6/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, cả hai anh chị cùng đề nghị Tòa án giải

quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh D và chị N là tự nguyện, hai anh chị đều xác định hai bên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh D và giải quyết cho anh D được ly hôn với chị N là phù với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh D và chị N có 02 con chung là cháu Lưu Nhật C, sinh ngày 06/11/2016 và cháu Lưu Nhật K, sinh ngày 03/9/2020. Anh D đề nghị được nuôi hai con chung, chị N cũng đề nghị giao hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu của anh D về việc nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng và điều kiện sống hiện nay của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh D không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh D và chị N đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Lưu Quang D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 38; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lưu Quang D.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Lưu Quang D được ly hôn với chị Trần Thị N.
2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lưu Nhật C, sinh ngày 06/11/2016 và cháu Lưu Nhật K, sinh ngày 03/9/2020 cho anh Lưu Quang D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lưu Quang D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy anh Lưu Quang D không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì chị Trần Thị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Lưu Quang D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0015789 ngày 08/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Anh Lưu Quang D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND p. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã kí)

Vũ Văn Đoàn

